

**BỘ CÔNG THƯƠNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ**  
\*\*\*\*\*

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**  
**NGÀNH VIỆT NAM HỌC**  
**KHOÁ 13**

**Tên chương trình : Việt Nam học**  
**Trình độ đào tạo : Đại học (Cử nhân)**  
**Ngành đào tạo : Việt Nam học**  
**(Vietnamese studies)**  
**Mã ngành : 7310630**  
**Hình thức đào tạo : Chính quy**

**Hải Dương, 2022**

## DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

<b>STT</b>	<b>Ký hiệu</b>	<b>Chữ viết đầy đủ</b>
1	CDR	Chuẩn đầu ra
2	CTĐT	Chương trình đào tạo
3	TC	Tín chỉ

## MỤC LỤC

<b>BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....</b>	<b>1</b>
<b>A. GIỚI THIỆU CHUNG .....</b>	<b>1</b>
<b>I. Thông tin chung về CTĐT .....</b>	<b>1</b>
<b>II. Tầm nhìn - Sứ mạng - Chính sách chất lượng - Triết lý giáo dục .....</b>	<b>2</b>
<b>B. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....</b>	<b>3</b>
<b>I. Mục tiêu đào tạo.....</b>	<b>3</b>
1.1. Mục tiêu chung .....	3
1.2. Mục tiêu cụ thể .....	3
1.2.1. Kiến thức.....	3
1.2.2. Kỹ năng.....	3
1.2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm.....	4
1.2.4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp.....	4
<b>II. Chuẩn đầu ra .....</b>	<b>4</b>
2.1. Kiến thức.....	4
2.2. Kỹ năng.....	4
2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm .....	5
<b>III. Nội dung chương trình đào tạo.....</b>	<b>5</b>
<b>IV. Ma trận tích hợp học phần với chuẩn đầu ra CTĐT.....</b>	<b>8</b>
<b>V. Tiến trình đào tạo .....</b>	<b>11</b>
<b>VI. Nội dung các học phần.....</b>	<b>12</b>
6.1. Mô tả học phần .....	12
6.2. Đề cương chi tiết học phần .....	25

## BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số 425/QĐ-ĐHSD, ngày 10 tháng 8 năm 2022  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sao Đỏ)

### A. GIỚI THIỆU CHUNG

#### I. Thông tin chung về CTĐT

1. Tên CTĐT: Việt Nam học (Vietnamese studies)
2. Mã ngành đào tạo: 7310630
3. Trường cấp bằng: Trường Đại học Sao Đỏ
4. Thông tin chứng nhận kiểm định chất lượng: Trường Đại học Sao Đỏ được Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục trực thuộc Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam (CEA-AVU&C) công nhận Trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.
5. Tên gọi văn bằng: Cử nhân ngành Việt Nam học
6. Trình độ đào tạo: Đại học (Cử nhân)
7. Số tín chỉ yêu cầu: 146 tín chỉ (không bao gồm học phần điều kiện và học phần tự chọn tùy ý).
8. Khoa quản lý: Khoa Du lịch và Ngoại ngữ
9. Hình thức đào tạo: Chính quy
10. Thời gian đào tạo: 4 năm
11. Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.
12. Thang điểm đánh giá: Sử dụng thang điểm 10 được quy đổi thành thang điểm 4 và điểm chữ.
13. Điều kiện tốt nghiệp: Thực hiện theo quy chế đào tạo trình độ đại học (phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ, hình thức đào tạo chính quy) và các văn bản hiện hành, được cụ thể hóa theo quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Sao Đỏ.
14. Học tập nâng cao trình độ: Sau khi tốt nghiệp sinh viên có khả năng tự học, tự nghiên cứu, nâng cao trình độ trong quá trình công tác và tiếp tục theo học các CTĐT trình độ cao hơn như: thạc sĩ, tiến sĩ ngành Việt Nam học.
15. Chương trình tham khảo:
  - [1]. Trường Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam (2020), *Chương trình đào tạo ngành Việt Nam học*.
  - [2]. Trường Đại học Văn Hóa Hà Nội, Việt Nam (2020), *Chương trình đào tạo ngành Du lịch*.
  - [3]. Trường Đại học Sài Gòn, Việt Nam (2020), *Chương trình đào tạo ngành Việt Nam học*.

[4]. Trường Đại học Huế, Việt Nam (2013), *Chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lễ hành.*

[5]. Trường Đại học Anh quốc Việt Nam, Việt Nam (2019), *BA (Hons) International Hospitality Management.*

[6]. Chuẩn: AUN-QA (ANU: The ASEAN University Network): <http://www.aunsec.org/>.

[7]. Chuẩn VTOS (Vietnam Tourism Occupational Skills Standards): <https://vietnamtourism.gov.vn/>.

16. Thời điểm cập nhật: Tháng 9 năm 2022.

## **II. Tầm nhìn - Sứ mạng - Chính sách chất lượng - Triết lý giáo dục - Giá trị văn hoá cốt lõi**

### **2.1. Tầm nhìn - 2030**

Phát triển Nhà trường theo định hướng đại học ứng dụng. Ưu tiên đầu tư trọng tâm, trọng điểm các ngành kỹ thuật truyền thống của Nhà trường thành ngành mũi nhọn. Đẩy mạnh hoạt động: Sáng tạo khoa học kỹ thuật - Nâng cao năng lực thực hành - Ứng dụng chuyển giao công nghệ phù hợp với tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghiệp lần thứ tư.

### **2.2. Sứ mạng - 2025**

Đào tạo gắn với nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ. Học đi đôi với hành, lý thuyết gắn với thực tế, Nhà trường gắn với doanh nghiệp. Sinh viên ra trường có sức khỏe; năng lực và kỹ năng toàn diện; tự tin, sáng tạo; có việc làm thu nhập ổn định và cơ hội thăng tiến.

### **2.3. Chính sách đảm bảo chất lượng giai đoạn 2021-2025**

2.3.1. Thực hiện thành công sứ mạng của Nhà trường trên nền tảng: sinh viên tốt nghiệp ra trường có việc làm phù hợp với chuyên môn được đào tạo, thu nhập ổn định ở từng vị trí làm việc, có khả năng phát triển bản thân.

2.3.2. Tiếp tục bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, tác phong; phát huy tính tích cực, trách nhiệm của từng cá nhân, đơn vị với mục tiêu: “hướng tới người học, vì người học”. Đổi mới mạnh mẽ phương pháp giảng dạy theo quan điểm: “lấy kiến thức cơ bản làm nền tảng, kiến thức mở rộng là cần thiết, kiến thức ứng dụng là quan trọng” đáp ứng chuẩn đầu ra.

2.3.3. Xây dựng đề án mở ngành học mới theo nhu cầu xã hội và định hướng phát triển Nhà trường. Đầu tư trang thiết bị hiện đại, đẩy mạnh hoạt động sáng tạo khoa học kỹ thuật - nâng cao năng lực thực hành - ứng dụng chuyển giao công nghệ phù hợp với tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghiệp lần thứ tư để Nhà trường không chỉ là nơi phổ biến tri thức, dạy sinh viên cách tiếp cận công nghệ mà là nơi tạo ra tri thức, tạo ra công nghệ.

2.3.4. Nâng cao năng lực quản trị đại học; tăng cường công tác kiểm tra giám sát, ứng dụng công nghệ thông tin thực hiện thông minh hóa trong công tác quản lý cán bộ, quản lý sinh viên, quản lý một số hoạt động đào tạo, quản lý công việc theo kết

quả đầu ra; từng bước xây dựng trường học thông minh góp phần xây dựng thành phố thông minh.

2.3.5. Duy trì vận hành hệ thống quản lý chất lượng (Quality Management Systems - QMS) theo TCVN ISO 9001:2015; tiếp tục thực hiện tự đánh giá chất lượng và kiểm định chương trình đào tạo trình độ đại học; tái kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học theo bộ tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo vào năm 2023.

#### **2.4. Triết lý giáo dục**

Chất lượng toàn diện - Hợp tác sâu rộng - Phát triển bền vững.

#### **2.5. Giá trị văn hoá cốt lõi**

Thực học - Thực hành - Thực chung - Thực tâm - Thực nghiệp - Thực tiến.

## **B. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **I. Mục tiêu đào tạo**

#### **1.1. Mục tiêu chung**

Đào tạo cử nhân Việt Nam học (chuyên ngành Hướng dẫn du lịch) có phẩm chất đạo đức, chính trị vững vàng; có sức khỏe tốt; có kiến thức tổng quan về các lĩnh vực kinh tế, văn hóa - xã hội, lịch sử - địa lí, tài nguyên - môi trường; có kiến thức và kỹ năng toàn diện về nghiệp vụ hướng dẫn du lịch; có khả năng tự học và sáng tạo trong hoạt động nghề nghiệp; có kỹ năng làm việc hiệu quả, thích ứng với các điều kiện làm việc; có trách nhiệm với bản thân, xã hội.

#### **1.2. Mục tiêu cụ thể**

##### **1.2.1. Kiến thức**

##### *1.2.1.1. Kiến thức giáo dục đại cương*

1.2.1.1a. Có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội - nhân văn, khoa học chính trị, pháp luật, kinh tế - xã hội, quốc phòng và an ninh để vận dụng và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

1.2.1.1b. Có kiến thức cơ bản về toán học, tin học và ngoại ngữ để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và học tập nâng cao trình độ.

##### *1.2.1.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp*

1.2.1.2a. Có kiến thức cơ bản về lĩnh vực kinh tế du lịch, văn hóa - xã hội, lịch sử - địa lí, tài nguyên - môi trường,... và áp dụng trong xây dựng, tổ chức các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ hướng dẫn du lịch và các lĩnh vực lễ hành khác.

1.2.1.2b. Có kiến thức chuyên môn nghiệp vụ vững chắc để tổ chức và thực hiện các hoạt động hướng dẫn du lịch. Có kiến thức trong xây dựng, quản lý, điều hành các chương trình du lịch cũng như các hoạt động trong lĩnh vực lễ hành.

##### **1.2.2. Kỹ năng**

1.2.2.1. Có kỹ năng phân tích, tổng hợp và xác định được các vấn đề về kinh tế du lịch, văn hóa - xã hội, lịch sử - địa lí, tài nguyên - môi trường và áp dụng trong xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình du lịch cũng như các lĩnh vực hoạt động lễ hành khác.

1.2.2.2. Có kỹ năng trong giao tiếp, vận dụng linh hoạt các chính sách, pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực hoạt động chuyên môn.

1.2.2.3. Có kỹ năng nghiệp vụ hướng dẫn du lịch (lập kế hoạch, xây dựng bài thuyết minh, hướng dẫn, tổ chức các sự kiện...) và xây dựng, quản lý, điều hành các chương trình du lịch, các hoạt động trong lĩnh vực lữ hành.

1.2.2.4. Có năng lực ngoại ngữ tiếng Anh hoặc tiếng Trung Quốc để nghiên cứu các vấn đề chuyên môn, giao tiếp, ứng xử, giải quyết công việc với đồng nghiệp, chuyên gia nước ngoài.

### **1.2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm**

1.2.3.1. Có năng lực làm việc, nghiên cứu độc lập, sáng tạo, làm việc theo nhóm và biết chịu trách nhiệm trong công việc. Có khả năng thích ứng kịp thời với những thay đổi điều kiện làm việc.

1.2.3.2. Có năng lực hướng dẫn, dẫn dắt chuyên môn để giải quyết các lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp.

1.2.3.3. Có năng lực định hướng, lập kế hoạch, tổ chức quản lý, giám sát và thực hiện công việc và có năng lực đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

### **1.2.4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp**

Sinh viên tốt nghiệp được cấp bằng cử nhân Việt Nam học và đảm nhận được các vị trí công việc như: Hướng dẫn viên du lịch, thuyết minh viên tại điểm, điều hành tour du lịch; chuyên viên, cán bộ quản lý các doanh nghiệp du lịch; chuyên viên, cán bộ quản lý tại các cơ quan văn hoá, du lịch; tự tạo doanh nghiệp; làm công tác giảng dạy, nghiên cứu tại các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu và theo học ở các trình độ cao hơn.

## **II. Chuẩn đầu ra**

### **2.1. Kiến thức**

2.1.1. Hiểu được những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, pháp luật, quốc phòng và an ninh, giáo dục thể chất để vận dụng và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

2.1.2. Vận dụng được kiến thức khoa học xã hội - nhân văn và ngoại ngữ để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và học tập nâng cao trình độ.

2.1.3. Trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2.1.4. Vận dụng kiến thức kinh tế du lịch, văn hóa - xã hội, lịch sử - địa lí, tài nguyên - môi trường,... để xây dựng, tổ chức các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ hướng dẫn du lịch và các nghiệp vụ khác trong hoạt động lữ hành.

2.1.5. Tổng hợp được các kiến thức chuyên môn nghiệp vụ hướng dẫn du lịch trong thực hiện chương trình du lịch và các lĩnh vực hoạt động lữ hành khác.

### **2.2. Kỹ năng**

2.2.1. Hệ thống hóa được các thông tin về lĩnh vực kinh tế du lịch, văn hóa – xã hội, lịch sử - địa lí, tài nguyên - môi trường trong thực hiện hoạt động chuyên môn nghiệp vụ hướng dẫn và các lĩnh vực hoạt động lữ hành khác.

2.2.2. Lập kế hoạch thực hiện và xây dựng được bài thuyết minh cho các chương trình du lịch.

2.2.3. Thuyết minh, thuyết trình được trước đám đông, linh hoạt trong giao tiếp ứng xử và ứng phó với các tình huống trong hoạt động chuyên môn.

2.2.4. Thiết kế và tổ chức quản lý điều hành được các chương trình du lịch trong hoạt động lữ hành.

2.2.5. Hợp tác, thích ứng được với các môi trường làm việc và khởi nghiệp, tạo việc làm cho bản thân và người khác.

2.2.6. Năng lực ngoại ngữ tiếng Anh hoặc tiếng Trung Quốc đạt bậc 4/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

### 2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

2.3.1. Có sức khỏe, năng lực làm việc độc lập và làm việc theo nhóm, tự chịu trách nhiệm trước bản thân, nhóm. Có khả năng thích ứng với mọi sự thay đổi của môi trường công việc.

2.3.2. Hướng dẫn, giám sát được người khác cùng thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

2.3.3. Tự định hướng, đưa ra kết luận và bảo vệ được quan điểm cá nhân trong lĩnh vực du lịch.

2.3.4. Lập kế hoạch, điều phối, quản lý được các hoạt động chuyên môn và đánh giá, cải thiện kết quả công việc.

## III. Nội dung chương trình đào tạo

### A. HỌC PHẦN KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG VÀ GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
<b>3.1</b>		<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG</b>	<b>51</b>		
<b>3.1.1</b>		<b>Lý luận chính trị</b>	<b>11</b>	<b>11</b>	<b>0</b>
1	CTRI 004	Triết học Mác - Lênin	3	3	0
2	CTRI 002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0
3	CTRI 001	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0
4	CTRI 005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
5	CTRI 003	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0
<b>3.1.2</b>		<b>Khoa học xã hội - nhân văn</b>	<b>10</b>	<b>10</b>	<b>0</b>
<b>3.1.2.1</b>		<b>Phần bắt buộc</b>	<b>8</b>	<b>8</b>	<b>0</b>
6	KHXH 006	Pháp luật đại cương	2	2	0
7	KHXH 014	Từ vựng và ngữ pháp tiếng Việt	2	2	0
8	VNH 004	Nhập môn khu vực học	2	2	0
9	VNH 007	Văn học Việt Nam	2	2	0
<b>3.1.2.2</b>		<b>Phần tự chọn có hướng dẫn (chọn 1 trong 3 học phần sau)</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>0</b>
10	KHXH 002	Khởi nghiệp kinh doanh	2	2	0
11	VNH 044	Mỹ học đại cương	2	2	0
12	KHXH 007	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	0
<b>3.1.3</b>		<b>Ngoại ngữ (chọn 1 trong 2 ngoại ngữ)</b>	<b>12</b>	<b>12</b>	<b>0</b>
<b>3.1.3.1</b>		<b>Tiếng Anh</b>			
13	TANH 021	Tiếng Anh giao tiếp 1	4	4	0



STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
14	TANH 022	Tiếng Anh giao tiếp 2	4	4	0
15	TANH 023	Tiếng Anh giao tiếp 3	4	4	0
<b>3.1.3.2</b>		<b>Tiếng Trung Quốc</b>			
16	TTRUNG 009	Tiếng Trung giao tiếp 1	4	4	0
17	TTRUNG 010	Tiếng Trung giao tiếp 2	4	4	0
18	TTRUNG 011	Tiếng Trung giao tiếp 3	4	4	0
<b>3.1.4</b>		<b>Tin học</b>	<b>4</b>	<b>2</b>	<b>2</b>
19	TINCB 005	Tin học cơ bản	4	2	2
<b>3.1.5</b>		<b>Kỹ năng mềm</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>1</b>
20	KNM 005	Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	3	2	1
<b>3.1.6</b>		<b>Giáo dục thể chất</b>	<b>3</b>	<b>0</b>	<b>3</b>
21	GDTC	Giáo dục thể chất	3	0	3
<b>3.1.7</b>		<b>Giáo dục quốc phòng và an ninh</b>	<b>8 TC (165 tiết)</b>		
22	GDQP	Giáo dục quốc phòng và an ninh	8 TC (165 tiết)		
<b>3.2</b>		<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP</b>	<b>95</b>		
<b>3.2.1</b>		<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>	<b>20</b>	<b>17</b>	<b>3</b>
23	VNH 012	Nhập môn khoa học du lịch	2	1	1
24	VNH 029	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	3	0
25	VNH 040	Các dân tộc Việt Nam	3	3	0
26	VNH 039	Địa lý du lịch	3	2	1
27	VNH 049	Tiến trình lịch sử Việt Nam	3	3	0
28	QTDVDL 003	Môi trường và phát triển du lịch bền vững	2	2	0
29	QTKD 002	Nghiệp vụ lễ tân khách sạn	2	1	1
30	VNH 025	Kinh tế du lịch	2	2	0
<b>3.2.2</b>		<b>Kiến thức ngành</b>	<b>55</b>	<b>34</b>	<b>21</b>
<b>3.2.2.1</b>		<b>Phần bắt buộc</b>	<b>51</b>	<b>30</b>	<b>21</b>
31	TANH 017	Tiếng Anh du lịch 1	3	2	1
32	TANH 018	Tiếng Anh du lịch 2	3	2	1
33	TANH 019	Tiếng Anh du lịch 3	4	3	1
34	TTRUNG 001	Tiếng Trung du lịch 1	3	2	1
35	TTRUNG 002	Tiếng Trung du lịch 2	3	2	1
36	TTRUNG 003	Tiếng Trung du lịch 3	4	3	1
37	VNH 036	Marketing du lịch	3	2	1
38	VNH 022	Pháp luật du lịch	2	2	0
39	VNH 041	Di tích lịch sử văn hóa và danh thắng Việt Nam	3	2	1
40	QTDVDL 002	Lễ hội Việt Nam trong sự phát triển du lịch	2	2	0
41	VNH 019	Tuyên điểm du lịch	3	2	1
42	QTDVDL 016	Xây dựng và điều hành chương trình du lịch	3	2	1
43	QTDVDL 026	Tâm lý và nghệ thuật giao tiếp ứng xử trong kinh doanh du lịch	3	3	0

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
44	VNH 016	Tổ chức hoạt náo trong hoạt động du lịch	3	0	3
45	VNH 017	Nghiệp vụ lễ hành	3	2	1
46	VNH 018	Lý thuyết nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	4	4	0
47	VNH 020	Thực hành nghiệp vụ hướng dẫn du lịch 1	5	0	5
48	VNH 021	Thực hành nghiệp vụ hướng dẫn du lịch 2	5	0	5
49	QTDVDL 018	Nghiệp vụ thanh toán quốc tế	2	2	0
<b>3.2.2.2</b>		<b>Phần tự chọn có hướng dẫn</b> ( <i>chọn 2 trong 4 học phần sau</i> )	<b>4</b>	<b>4</b>	<b>0</b>
50	VNH 024	Du lịch sinh thái	2	2	0
51	VNH 042	Du lịch văn hóa	2	2	0
52	VNH 045	Thủ tục xuất nhập cảnh	2	2	0
53	VNH 014	Quy hoạch và phát triển du lịch	2	1	1
<b>3.2.3</b>		<b>Thực tập và khóa luận tốt nghiệp</b>	<b>20</b>	<b>0</b>	<b>20</b>
54	VNH 402	Thực tập chuyên đề	3	0	3
55	VNH 403	Thực tập tốt nghiệp	7	0	7
56	VNH 406	Khóa luận tốt nghiệp ( <i>hoặc học thêm 3 học phần chuyên môn sau</i> )	10	0	10
57	VNH 038	Văn hóa ẩm thực	3	2	1
58	QTDVDL 023	Quản trị điểm đến du lịch	3	3	0
59	VNH 046	Tổ chức sự kiện trong du lịch	4	0	4
<b>Tổng (tín chỉ)</b>			<b>146</b>		

## B. CÁC HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN VÀ CÁC HỌC PHẦN TỰ CHỌN TÙY Ý

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
<b>I. Học phần điều kiện</b>			<b>14</b>	<b>12</b>	<b>2</b>
<b>I.1</b>		<b>Kỹ năng mềm</b>	<b>6</b>	<b>4</b>	<b>2</b>
1	KNM 006	Kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức sự kiện và tìm kiếm việc làm	3	2	1
2	KNM 007	Kỹ năng thích ứng, phản biện và tư duy sáng tạo	3	2	1
<b>I.2</b>		<b>Ngoại ngữ</b> ( <i>chọn 1 trong 2 ngoại ngữ</i> )	<b>8</b>	<b>8</b>	<b>0</b>
3	TANH 007/ TTRUNG 018	Tiếng Anh nâng cao 1/Tiếng Trung nâng cao 1	4	4	0
4	TANH 008/ TTRUNG 019	Tiếng Anh nâng cao 2/Tiếng Trung nâng cao 2	4	4	0
<b>II. Học phần tự chọn tùy ý</b>			<b>8</b>	<b>7</b>	<b>1</b>
5	VNH 013	Nhiếp ảnh	2	1	1
6	VNH 006	Văn hóa Đông Nam Á	3	3	0
7	VNH 003	Lịch sử văn minh thế giới	3	3	0
<b>Tổng (tín chỉ)</b>			<b>22</b>	<b>19</b>	<b>3</b>

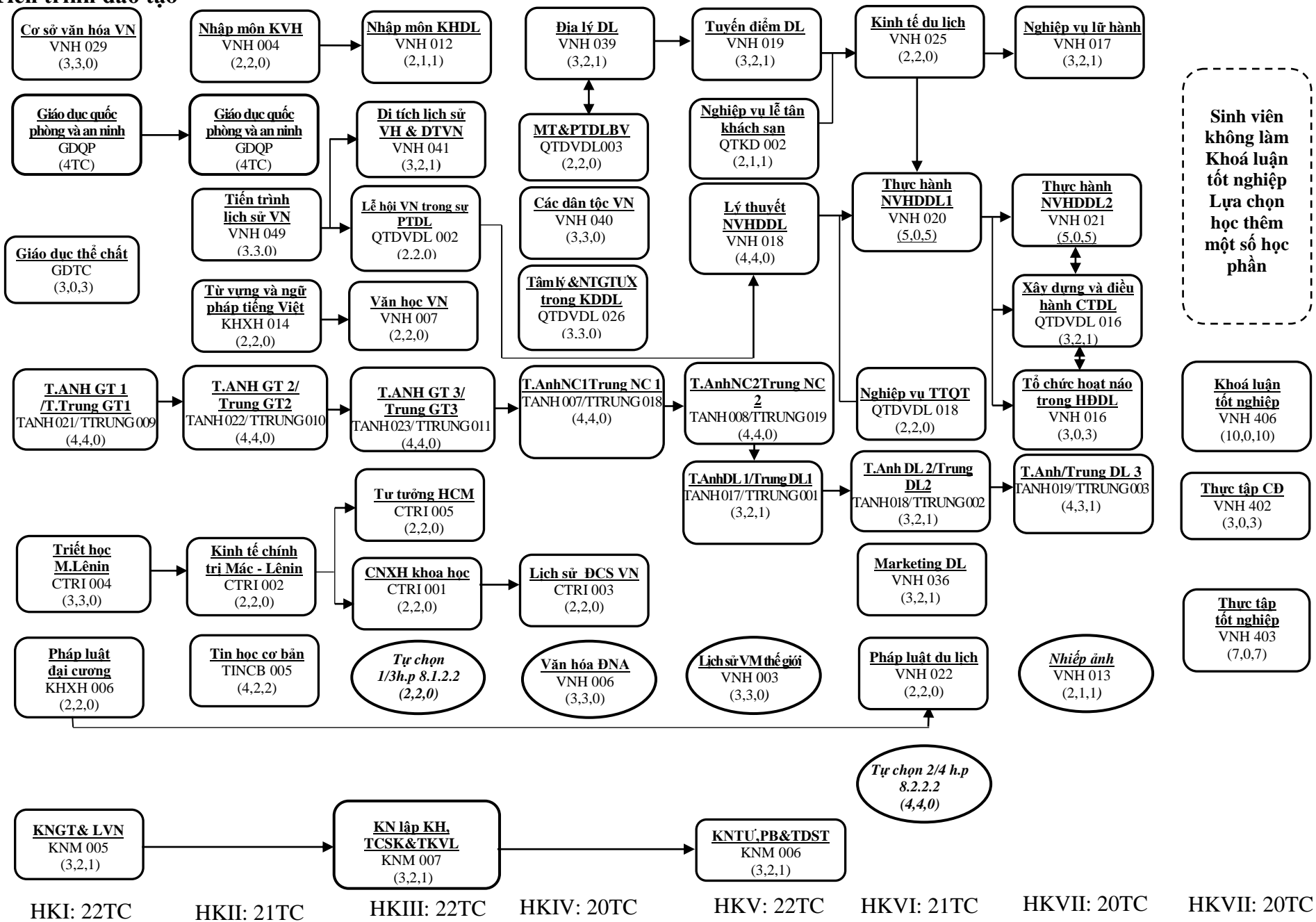
#### IV. Ma trận tích hợp học phần với chuẩn đầu ra CTĐT

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo												
			Kiến thức				Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm		
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.3.1	2.3.2	2.3.3
1.	CTRI 004	Triết học Mác - Lênin	2						3			4		4	
2.	CTRI 002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2						3			4		4	
3.	CTRI 001	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2						3			4		4	
4.	CTRI 005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2						3			4		4	
5.	CTRI 003	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2						3			4		4	
6.	KHXH 006	Pháp luật đại cương	2						3			4		4	
7.	KHXH 014	Từ vựng và ngữ pháp tiếng Việt			3							3			
8.	VNH 004	Nhập môn khu vực học			3							3			
9.	VNH 007	Văn học Việt Nam			3	4						3			
10.	KHXH 002	Khởi nghiệp kinh doanh			3					3		3			
11.	VNH 044	Mỹ học đại cương			3	4						3			
12.	KHXH 007	Phương pháp nghiên cứu khoa học			3							3			
13.	TANH 021	Tiếng Anh giao tiếp 1		3				3		3		3			
14.	TANH 022	Tiếng Anh giao tiếp 2		3				3		3		3			
15.	TANH 023	Tiếng Anh giao tiếp 3		3				3		3		3			
16.	TTRUNG 009	Tiếng Trung giao tiếp 1		3				3		3		3			
17.	TTRUNG 010	Tiếng Trung giao tiếp 2		3				3		3		3			
18.	TTRUNG 011	Tiếng Trung giao tiếp 3		3				3		3		3			
19.	TINCB 005	Tin học cơ bản		3						3		3			
20.	KNM 005	Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	2						4	3		4		4	
21.	GDTC	Giáo dục thể chất	2						3			4			
22.	GDQP	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2						3			4			
23.	VNH 012	Nhập môn khoa học du lịch			3	4						3		3	3
24.	VNH 029	Cơ sở văn hóa Việt Nam			3	4						3			

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
			Kiến thức				Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
25.	VNH 040	Các dân tộc Việt Nam			3		4			3			3	3	3	
26.	VNH 039	Địa lý du lịch			3		4			3			3	3	3	
27.	VNH 049	Tiến trình lịch sử Việt Nam			3		4						3		3	
28.	QTDVDL 003	Môi trường và phát triển du lịch bền vững			3		4						3		4	
29.	QTKD 002	Nghiệp vụ lễ tân khách sạn			3	3		3					3	3	3	3
30.	VNH 025	Kinh tế du lịch			3	3	4	3		3	3		3	3	3	3
31.	TANH 017	Tiếng Anh du lịch 1		3		3			3			3	3		3	
32.	TANH 018	Tiếng Anh du lịch 2		3		3			3			3	3		3	
33.	TANH 019	Tiếng Anh du lịch 3		3		3			3			3	3		3	
34.	TTRUNG 001	Tiếng Trung du lịch 1		3		3			3			3	3		3	
35.	TTRUNG 002	Tiếng Trung du lịch 2		3		3			3			3	3		3	
36.	TTRUNG 003	Tiếng Trung du lịch 3		3		3			3			3	3		3	
37.	VNH 036	Marketing du lịch			3	3	4	3		3			3	3	3	3
38.	VNH 022	Pháp luật du lịch			2	3		3		3			3		3	
39.	VNH 041	Di tích lịch sử văn hóa và danh thắng Việt Nam			3		4			3			3	3	3	
40.	QTDVDL 002	Lễ hội Việt Nam trong sự phát triển du lịch			3		4			3			3	3	3	
41.	VNH 019	Tuyển điểm du lịch			3	3		3		5	5		3	3	3	
42.	QTDVDL 016	Xây dựng và điều hành chương trình du lịch			3	3	4	3	3	4	4		3	3	3	3
43.	QTDVDL 026	Tâm lý và nghệ thuật giao tiếp ứng xử trong kinh doanh du lịch			3				3				3		3	
44.	VNH 016	Tổ chức hoạt náo trong hoạt động du lịch			3			3	3	3	3		3	3	3	3
45.	VNH 017	Nghiệp vụ lễ hành			3	3	4	3		3	3		3	3	3	3
46.	VNH 018	Lý thuyết nghiệp vụ hướng dẫn du lịch			3	3		3	3	3	3		3	3	3	3

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
			Kiến thức				Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
47.	VNH 020	Thực hành nghiệp vụ hướng dẫn du lịch 1			3	3		3	3	5	5		3	3	3	3
48.	VNH 021	Thực hành nghiệp vụ hướng dẫn du lịch 2			3	3		3	3	5	5		3	3	3	3
49.	QTDVDL 018	Nghiệp vụ thanh toán quốc tế			3	3		3		5			3		3	3
50.	VNH 024	Du lịch sinh thái			3		4	3		5			3		3	3
51.	VNH 042	Du lịch văn hóa			3		4	3		5			3		3	3
52.	VNH 045	Thủ tục xuất nhập cảnh			3	3		3	3	3			3	3	3	3
53.	VNH 014	Quy hoạch và phát triển du lịch			3		4	3		5			3		3	
54.	VNH 402	Thực tập chuyên đề			3	3	4	3	3	4	4		3	3	3	3
55.	VNH 403	Thực tập tốt nghiệp			3	3	4	3	3	4	4		3	3	3	3
56.	VNH 406	Khóa luận tốt nghiệp			3	3	4	3	3	4	4		3		3	3
57.	VNH 038	Văn hóa ẩm thực			3		4			3	3		3		3	
58.	QTDVDL 023	Quản trị điểm đến du lịch			3	3	4	3	3	4	4		3	3	3	3
59.	VNH 046	Tổ chức sự kiện trong du lịch			3	3	4	3	3	4	4		3	3	3	3
60.	KNM 006	Kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức sự kiện và tìm kiếm việc làm	2							4	3		4		4	
61.	KNM 007	Kỹ năng thích ứng, phản biện và tư duy sáng tạo	2							4	3		4		4	
62.	TANH 007/ TTRUNG 018	Tiếng Anh nâng cao 1/Tiếng Trung nâng cao 1		3					3			3	3			
63.	TANH 008/ TTRUNG 019	Tiếng Anh nâng cao 2/Tiếng Trung nâng cao 2		3					3			3	3			
64.	VNH 013	Nhiếp ảnh			3					3			3	3	3	
65.	VNH 006	Văn hóa Đông Nam Á			3		4						3			
66.	VNH 003	Lịch sử văn minh thế giới			3		4						3			

**V. Tiến trình đào tạo**



## **VI. Nội dung các học phần**

### **6.1. Mô tả các học phần**

#### **1. Triết học Mác - Lênin**

Học phần Triết học Mác - Lênin giới thiệu cho sinh viên những nội dung cơ bản về: Triết học và vấn đề cơ bản của triết học, triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội; chủ nghĩa duy vật biện chứng: vật chất và ý thức, phép biện chứng duy vật, lý luận nhận thức; chủ nghĩa duy vật lịch sử: vai trò của triết học trong đời sống xã hội, chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử: học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, giai cấp và dân tộc, Nhà nước và cách mạng xã hội, ý thức xã hội, triết học về con người. Hình thành thế giới quan và phương pháp luận khoa học, cách mạng cho sinh viên trong nhận thức và thực tiễn.

#### **2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin**

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin; hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

#### **3. Chủ nghĩa xã hội khoa học**

Học phần Chủ nghĩa xã hội (CNXH) khoa học giới thiệu khái quát cho sinh viên những nội dung cơ bản về: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, CNXH và thời kỳ quá độ lên CNXH, dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa, cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH, vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH, vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Giúp sinh viên nhận diện và giải quyết các vấn đề chính trị - xã hội nảy sinh trong thực tiễn quá trình xây dựng CNXH ở Việt Nam.

#### **4. Tư tưởng Hồ Chí Minh**

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh cung cấp cho sinh viên kiến thức về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung, quan điểm cơ bản trong hệ thống tư tưởng của Người như: Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân; về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức, con người. Hình thành thế giới quan và phương pháp luận khoa học, cách mạng cho sinh viên trong nhận thức và thực tiễn. Giúp sinh viên nhận thức đúng đắn các vấn đề của tự nhiên, xã hội và tư duy, hình thành quan điểm khoa học, lập trường cách mạng trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

#### **5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam**

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp học tập lịch sử Đảng Cộng

sản Việt Nam; sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá trình lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền từ năm 1930 - 1945; Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay). Hình thành cho sinh viên phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập. Giúp sinh viên nhận thức đúng đắn đường lối lãnh đạo của Đảng, và khả năng vận dụng đường lối của Đảng vào tiến trình học tập, cuộc sống.

### **6. Pháp luật đại cương**

Học phần Pháp luật đại cương giới thiệu cho sinh viên những nội dung cơ bản về Nhà nước và pháp luật nói chung cũng như Nhà nước và pháp luật Việt Nam nói riêng; về một số ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam như Luật Hiến pháp Việt Nam, Luật hành chính, Luật hình sự và tố tụng hình sự, Luật dân sự và tố tụng dân sự, Pháp luật về Luật lao động và Bảo hiểm xã hội, Pháp luật kinh doanh. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống pháp luật Việt Nam, từ đó sống, học tập và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật.

### **7. Từ vựng và ngữ pháp Tiếng Việt**

Học phần Từ vựng và ngữ pháp tiếng Việt gồm 2 phần, phần một: “Từ vựng tiếng Việt” bao gồm: Đơn vị từ vựng và từ vựng tiếng Việt; nghĩa của từ; hệ thống vốn từ tiếng Việt. Phần hai: “Ngữ pháp tiếng Việt” bao gồm các nội dung về từ loại và cụm từ tiếng Việt; câu tiếng Việt (cấu tạo ngữ pháp, câu trong hoạt động giao tiếp).

### **8. Nhập môn khu vực học**

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản khu vực học, Việt Nam học. Mối quan hệ giữa Việt Nam học với các khoa học khác và qua từng thời kỳ. Các vấn đề nghiên cứu Việt Nam học ở nước ngoài.

### **9. Văn học Việt Nam**

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về các thể loại văn học dân gian và văn học Việt Nam thời kỳ trung đại. Thông qua các tác phẩm sinh viên hiểu rõ hơn về đặc trưng nội dung và nghệ thuật của tác phẩm, tiến trình phát triển của văn học Việt Nam, thành tựu văn học qua các giai đoạn... Từ đó hình thành cho sinh viên kỹ năng phân tích tác phẩm và trân trọng nền văn học nước nhà.

### **10. Khởi nghiệp kinh doanh**

Học phần Khởi nghiệp kinh doanh cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và cần thiết trong lĩnh vực kinh doanh như: Thảo luận về vấn đề quản trị doanh nghiệp mới, phân tích các đặc điểm doanh nghiệp, quản trị tính sáng tạo và tạo dựng một doanh nghiệp thành công. Phương pháp hình thành ý tưởng kinh doanh, cách thức xây dựng bản kế hoạch và triển khai hoạt động kinh doanh. Cung cấp những kỹ năng cơ bản về tái lập doanh nghiệp.

### **11. Mỹ học đại cương**

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và hiện đại của Mỹ học Mác - Lênin về mối quan hệ thẩm mỹ của con người với hiện thực, các phạm trù thuộc khách thể



thẩm mỹ (cái đẹp, cái cao cả, cái bi, cái hài) và chủ thể thẩm mỹ (tức phạm trù ý thức thẩm mỹ với các bộ phận hợp thành chủ yếu của nó như: cảm xúc, thị hiếu và lý tưởng thẩm mỹ). Những tri thức về nghệ thuật - một hình thái cao nhất, tập trung nhất của mối quan hệ thẩm mỹ, lý luận về bản chất, mục tiêu và các hình thức cơ bản của giáo dục thẩm mỹ.

### 12. Phương pháp nghiên cứu khoa học

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về phương pháp thu thập dữ liệu và xử lý thông tin, trình bày luận điểm khoa học giúp cho sinh viên hình thành tư duy logic trong nghiên cứu khoa học. Từ đó, sinh viên biết xây dựng luận điểm, tìm kiếm luận cứ thông qua vận dụng các phương pháp thu thập thông tin và hoàn thiện về kỹ năng thuyết trình luận điểm khoa học.

### 13. Tiếng Anh giao tiếp 1

Học phần Tiếng Anh giao tiếp 1 đề cập đến những từ vựng cơ bản về các chủ điểm: Tên và nghề nghiệp, con người, nơi chốn, gia đình, thể thao, sức khỏe, đồ ăn, quần áo, máy tính và internet, âm nhạc, lễ hội, công nghệ, phát minh, thời tiết, kỳ nghỉ, phương tiện giao thông, công việc, hoạt động, kỹ năng, thói quen văn hóa, chính trị. Bên cạnh đó, sinh viên được củng cố các kiến thức ngữ pháp như: Động từ to be, đại từ nhân xưng; tính từ, đại từ sở hữu; giới từ chỉ thời gian, địa điểm; đại từ bất định... Phân biệt được các thời động từ: Hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ, hiện tại hoàn thành, cấu trúc so sánh, will và be going to, have to, mệnh lệnh thức, giới từ và phân biệt danh từ đếm được và không đếm được, các cấu trúc sử dụng với các dạng từ loại: Can, have got, there is/are, like... và một số loại cấu trúc câu hỏi.

### 14. Tiếng Anh giao tiếp 2

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về các lĩnh vực:

**Ngữ pháp:** Các kiến thức ngữ pháp về thì: (Hiện tại, quá khứ, tương lai, các biện pháp so sánh, các dùng danh động từ và động từ nguyên thể, mệnh đề quan hệ, câu bị động và câu điều kiện...

**Từ vựng:** Cung cấp cho sinh viên từ loại về giao tiếp thường ngày, các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống của bạn : thể thao, công nghệ, thế giới tự nhiên, thư giãn...

**Kỹ năng:** Học phần luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết về các chủ điểm bài học.

### 15. Tiếng Anh giao tiếp 3

Học phần Tiếng Anh giao tiếp 3 đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung sau:

**Ngữ pháp:** Cung cấp cho sinh viên kiến thức về thì hiện tại đơn, thì hiện tại tiếp diễn, mệnh đề quan hệ, thì hiện tại hoàn thành, thì quá khứ đơn, câu so sánh, các câu hỏi với những cấu trúc đặc biệt như: look like, be like, would like.

**Từ vựng:** Cung cấp cho sinh viên từ loại về các chủ điểm liên quan đến nội dung bài học: Giáo dục, công việc, hoạt động thể thao, sở thích, ngoại hình, tính cách, môi trường, giao thông, thực phẩm.

**Kỹ năng:** Học phần luyện kỹ năng nghe, nói, đọc, viết về các chủ điểm bài học.

### **16. Tiếng Trung giao tiếp 1**

Học phần Tiếng Trung giao tiếp 1 dành cho sinh viên mới bắt đầu học tiếng Trung. Học phần gồm 15 bài, nội dung các bài bài cung cấp kiến thức về ngữ âm tiếng Trung Quốc; các từ vựng, các cụm từ liên quan đến các chủ đề giao tiếp trong đời sống hằng ngày. Kiến thức ngữ pháp được trình bày từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp tương ứng với nội dung từng bài trong học phần. Các bài tập trong học phần được thiết kế tập trung rèn luyện, củng cố vốn từ vựng, các cấu trúc câu tương ứng với nội dung từng bài trong học phần.

### **17. Tiếng Trung giao tiếp 2**

Học phần Tiếng Trung giao tiếp 2 gồm 15 bài, nội dung các bài cung cấp kiến thức về từ vựng, các cụm từ, cấu trúc ngữ pháp liên quan đến các chủ đề giao tiếp trong học phần. Kiến thức ngữ pháp được trình bày từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp tương ứng với nội dung từng bài trong học phần. Các bài tập được thiết kế tập trung rèn luyện, củng cố vốn từ vựng, các cấu trúc câu tương ứng với nội dung từng bài trong học phần.

### **18. Tiếng Trung giao tiếp 3**

Học phần Tiếng Trung giao tiếp 3 cung cấp kiến thức về từ vựng, các cụm từ, cấu trúc ngữ pháp liên quan đến các chủ đề giao tiếp trong học phần: Cuộc sống học tập xa nhà, ước mơ, thời tiết của bốn mùa, phong tục, văn hóa, quan điểm về các lĩnh vực tình yêu, hạnh phúc, những trải nghiệm của bản thân. Kiến thức ngữ pháp được trình bày từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp tương ứng với nội dung từng bài trong học phần. Các bài tập được thiết kế tập trung rèn luyện, củng cố vốn từ vựng, các cấu trúc câu tương ứng với nội dung từng bài trong học phần.

### **19. Tin học cơ bản**

Học phần Tin học cơ bản cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về máy tính, hệ điều hành Windows, lưu trữ thông tin trên máy tính, kết nối và sử dụng tài nguyên và các dịch vụ trên Internet, xử lý một số sự cố liên quan đến máy tính và mạng, cách soạn và trình bày văn bản trong thực tế yêu cầu. Đồng thời giới thiệu cách trình bày, tạo và xử lý dữ liệu bảng tính; xây dựng và trình chiếu bài thuyết trình để giải quyết các tình huống xảy ra trong thực tế.

### **20. Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm**

Học phần Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm cung cấp những nội dung cơ bản về khái niệm, vai trò, các phương tiện và các kỹ năng giao tiếp như: Cách thức giao tiếp, các nguyên tắc trong giao tiếp; những khó khăn trong giao tiếp; các hình thức trong giao tiếp ứng xử trong nhà trường như: Giao tiếp, ứng xử với thầy cô, cán bộ, công nhân viên, ứng xử với khách đến liên hệ với trường; nội dung cơ bản về khái niệm, tầm quan trọng và các kỹ năng làm việc nhóm như: Cách thức và quy chế tổ chức nhóm, các nguyên tắc làm việc theo nhóm, quá trình làm việc theo nhóm, giải quyết vấn đề trong nhóm, đánh giá kết quả của nhóm; những khó

khẩn khi làm việc theo nhóm. Từ đó, sinh viên vận dụng trong quá trình học tập, rèn luyện và trong cuộc sống.

### **21. Giáo dục thể chất**

Sinh viên chọn 1 trong 3 nội dung:

- *Bóng chuyên hơi*: Nội dung của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành và phát triển, các quy định về sân bãi, dụng cụ thi đấu, luật thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu và một số kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyên: kỹ thuật chuyên bóng thấp tay, kỹ thuật chuyên bóng cao tay, kỹ thuật phát bóng. Các bài tập phát triển thể lực chung và thể lực chuyên môn của môn bóng chuyên.

- *Bóng đá*: Nội dung của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về luật thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu và một số kỹ thuật nâng cao của môn bóng đá: kỹ thuật dẫn bóng luôn cọc sút cầu môn, kỹ thuật ném biên, kỹ thuật đá bóng bằng má trong bàn chân. Các bài tập phát triển thể lực chung và thể lực chuyên môn của bóng đá.

- *Khiêu vũ thể thao*: Nội dung của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về: Lịch sử ra đời và phát triển môn khiêu vũ thể thao; luật khiêu vũ thể thao; các kỹ thuật cơ bản: thuật ngữ, vũ điệu Bachata, Chachacha và Bebo.

### **22. Giáo dục quốc phòng và an ninh**

Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh bao gồm những kiến thức cơ bản về nền quốc phòng toàn dân, an ninh Nhân dân, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng và an ninh, nghệ thuật quân sự Việt Nam. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh Nhân dân. Đội ngũ đơn vị, sử dụng bản đồ, địa hình quân sự, một số loại vũ khí bộ binh; thuốc nổ; phòng chống vũ khí hủy diệt lớn; cấp cứu ban đầu các vết thương. Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK; từng người trong chiến đấu tiến công; từng người trong chiến đấu phòng ngự.

### **23. Nhập môn khoa học du lịch**

Học phần Nhập môn khoa học du lịch trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về du lịch và khách du lịch, các giai đoạn hình thành và phát triển của hoạt động du lịch tại Việt Nam và trên thế giới, sản phẩm du lịch và tính thời vụ trong du lịch, các điều kiện để phát triển du lịch và mối tương tác giữa du lịch với các lĩnh vực khác. Thông qua nội dung của học phần sinh viên có kiến thức tổng quan về du lịch, thêm yêu ngành nghề và có ý thức phát triển ngành du lịch nước nhà.

### **24. Cơ sở văn hóa Việt Nam**

Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hóa Việt Nam: những khái niệm cơ bản liên quan đến văn hóa, tiến trình lịch sử văn hóa Việt Nam, tôn giáo-tín ngưỡng ở Việt Nam và các vùng văn hóa trên cả nước. Qua đó, sinh viên có những kiến thức cơ bản làm nền tảng cho việc tiếp thu những môn chuyên ngành, vận dụng xây dựng những bài thuyết minh hướng dẫn du lịch.

### **25. Các dân tộc Việt Nam**

Nội dung học phần gồm 6 chương cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khái niệm tộc người, tiêu chí công nhận tộc người, phân chia tộc người theo các

nhóm ngữ hệ và đặc điểm văn hóa vật chất, văn hóa tinh thần của một số dân tộc tiêu biểu của các nhóm ngữ hệ.

### **26. Địa lý du lịch**

Học phần trang bị những khái niệm về tài nguyên du lịch, những đặc điểm của các dạng tài nguyên du lịch, kết quả tổ chức lãnh thổ du lịch Việt Nam. Nêu và phân tích những tiềm năng trong phát triển du lịch theo các vùng du lịch. Bên cạnh đó, học phần cũng đề cập đến hiện trạng phát triển du lịch Việt Nam hiện nay.

### **27. Tiến trình lịch sử Việt Nam**

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, toàn diện về tiến trình lịch sử Việt Nam từ khởi thủy đến ngày nay. Những sự kiện, vấn đề, nội dung cơ bản của lịch sử Việt Nam sẽ được lần lượt trình bày, phân tích, đánh giá. Đây là những kiến thức cơ sở, nền tảng giúp người học tiếp cận nhiều môn khoa học thuộc các lĩnh vực của khoa học xã hội và nhân văn.

### **28. Môi trường và phát triển du lịch bền vững**

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vấn đề môi trường và sự phát triển, mối quan hệ giữa dân số với môi trường, các hoạt động phát triển đến môi trường. Học phần giới thiệu sự phát triển ảnh hưởng đến các tài nguyên. Mặt khác, học phần cũng nêu vấn đề ô nhiễm môi trường và việc bảo vệ tài nguyên và môi trường trong sự phát triển nhằm đảm bảo quá trình phát triển bền vững.

### **29. Nghiệp vụ lễ tân khách sạn**

Học phần Nghiệp vụ lễ tân khách sạn cung cấp cho sinh viên những kiến thức về nghiệp vụ lễ tân khách sạn. Giới thiệu một cách khái quát nhất về những cơ cấu tổ chức và những hoạt động ở các bộ phận lễ tân khách sạn trong khách sạn. Học phần này cũng giúp người học rèn luyện các kỹ năng cơ bản về các nghiệp vụ lễ tân như đặt buồng, đăng ký khách sạn, phục vụ khách trong thời gian lưu trú, thanh toán và phục vụ khách rời khách sạn.

### **30. Kinh tế du lịch**

Kinh tế du lịch là học phần nghiên cứu các vấn đề lý luận về du lịch, thị trường du lịch nhìn từ góc độ của các doanh nghiệp du lịch và các vấn đề khoa học về kinh hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp du lịch.

Nội dung của học phần được trình bày trong 4 chương:

Chương 1: Những vấn đề cơ bản về kinh tế du lịch, chương này giới thiệu một cách tổng quan nhất các khái niệm cơ bản về du lịch, các lĩnh vực kinh doanh của ngành du lịch, các loại hình du lịch và các vấn đề về thị trường du lịch

Chương 2: Lao động và tiền lương trong doanh nghiệp du lịch, chương này sẽ giúp người đọc hiểu về các khái niệm lao động, năng suất lao động, tiền lương, tiền thưởng trong doanh nghiệp du lịch, các chỉ tiêu tính toán và phân tích năng suất lao động cũng như các phương pháp tính toán, phân tích tiền lương, tiền thưởng trong doanh nghiệp du lịch.

Chương 3: Tài chính trong doanh nghiệp du lịch, chương này giới thiệu với người đọc các vấn đề về tài chính trong doanh nghiệp du lịch như: doanh thu, vốn, chi phí, thuế, thu nhập và lợi nhuận trong kinh doanh du lịch cũng như việc phân tích các hoạt động tài chính của các doanh nghiệp du lịch.

Chương 4: Hiệu quả kinh tế trong doanh nghiệp du lịch, chương này giới thiệu với người đọc các khái niệm về hiệu quả, hiệu quả kinh tế du lịch, các chỉ tiêu phân tích hiệu quả kinh tế trong doanh nghiệp du lịch và các biện pháp để nâng cao hiệu quả kinh doanh trong doanh nghiệp du lịch.

### **31. Tiếng Anh du lịch 1**

Học phần gồm 15 bài học về các chủ điểm các loại hình du lịch, các loại phương tiện đi du lịch, các loại hình lưu trú, các địa điểm du lịch, cách đặt các chuyến đi du lịch. Mỗi bài học được kết cấu gồm nhiều hoạt động làm việc theo cặp, theo nhóm và cá nhân nhằm phát triển kỹ năng của sinh viên về các chủ đề của bài học.

### **32. Tiếng Anh du lịch 2**

- Học phần Tiếng Anh du lịch 2 bao gồm 15 bài tập trung vào các chủ điểm chào hỏi, đón khách; đăng ký phòng cho khách và phục vụ khách trong thời gian lưu trú tại khách sạn; giới thiệu một số điểm thu hút khách du lịch, các điểm ăn uống và thư giãn; các loại hình du lịch.

- Học phần cũng cung cấp các kiến thức ngữ pháp trong việc sử dụng câu khuyến cáo, lời đề nghị, lời khuyên, câu yêu cầu bắt buộc; câu báo cáo lại, thì hiện tại hoàn thành, cấu trúc chỉ dẫn đường, giải thích thông tin du lịch và giải quyết các yêu cầu phàn nàn của khách. Qua đó, sinh viên thực hành các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết về chủ điểm trong học phần.

### **33. Tiếng Anh du lịch 3**

Học phần Tiếng Anh du lịch 3 cung cấp cho sinh viên các nội dung sau:

- Từ vựng: Các từ vựng liên quan đến nhà hàng, khách sạn, lễ hành, phương tiện giao thông, nơi lưu trú...

- Cấu trúc: Cách dùng câu mệnh lệnh, cách đưa ra yêu cầu, đề nghị, cách đặt câu hỏi trực tiếp, gián tiếp, cách thể hiện sự nuối tiếc, mong chờ...

- Kỹ năng: Các bài luyện tập nghe, nói về các chủ đề liên quan giao tiếp tại các điểm du lịch, tại nhà hàng khách sạn, cách đưa ra vấn đề và giải quyết vấn đề trong lĩnh vực du lịch...

### **34. Tiếng Trung du lịch 1**

Học phần Tiếng Trung du lịch 1 gồm 5 bài. Cấu trúc cơ bản của mỗi bài bao gồm: Bài đọc, khẩu ngữ. Học phần hướng đến kiến thức chuyên ngành về những điểm du lịch: Việt Nam, Hà Nội, Vịnh Hạ Long, các hang động, đảo và núi của Vịnh Hạ Long. Nhận biết cách sử dụng từ, cụm từ trong các tình huống giao tiếp thực tế, các cấu trúc câu sử dụng để giới thiệu ở các địa điểm du lịch trong học phần.

### **35. Tiếng Trung du lịch 2**

Học phần Tiếng Trung du lịch 2 gồm 6 bài. Cấu trúc cơ bản của mỗi bài bao gồm: Bài đọc, từ mới, khẩu ngữ, ngữ pháp, luyện tập.

Học phần hướng đến kiến thức chuyên ngành về những điểm du lịch: Quảng Nam, Thánh Địa Mỹ Sơn, Trung Bộ, chùa chiền ở Huế, Nha Trang, thành phố Hồ Chí Minh.

**Kiến thức:** Nhận biết cách sử dụng từ, cụm từ trong các tình huống giao tiếp thực tế ở các địa điểm du lịch trong học phần Tiếng Trung du lịch 2.

Xác định được các cấu trúc câu sử dụng để giới thiệu các điểm du lịch.

Trình bày, tóm tắt được nội dung chính của các bài đọc giới thiệu về các điểm du lịch trong học phần Tiếng Trung du lịch 2.

**Kỹ năng:** Xác định đúng cách sử dụng từ, cụm từ để viết được câu, đoạn văn, những bài viết giới thiệu các điểm du lịch như Quảng Nam, Thánh Địa Mỹ Sơn, Trung Bộ, chùa chiền ở Huế, Nha Trang, thành phố Hồ Chí Minh.

Giới thiệu được các đặc điểm nổi bật của các điểm du lịch trong học phần Tiếng Trung du lịch với du khách trong và ngoài nước.

### **36. Tiếng Trung du lịch 3**

Học phần Tiếng Trung du lịch 3 gồm 8 bài. Cấu trúc cơ bản của mỗi bài bao gồm: Bài khóa, bài tập luyện kỹ năng nghe và kỹ năng nói. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các chủ đề: Đặt phòng khách sạn; thay đổi thông tin; làm thủ tục ở khách sạn; khiếu nại về các dịch vụ không/chưa tốt; đặt chỗ tại nhà hàng; ở sân bay, ga tàu, cửa khẩu..

### **37. Marketing du lịch**

Học phần Marketing du lịch giới thiệu cho sinh viên những nội dung cơ bản về: khái quát về Marketing và marketing du lịch, thị trường du lịch, phân đoạn thị trường và lựa chọn thị trường mục tiêu, marketing hỗn hợp trong du lịch.

### **38. Pháp luật du lịch**

Học phần gồm 4 chương trình bày về: đại cương về pháp luật và pháp luật du lịch, quản lý nhà nước đối với hoạt động du lịch, tổ chức doanh nghiệp du lịch và các thủ tục giấy tờ cần thiết khi đi du lịch nước ngoài.

### **39. Di tích lịch sử văn hóa và danh thắng Việt Nam**

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về di tích lịch sử văn hóa và danh thắng Việt Nam như: hệ thống các loại hình di tích, đặc điểm, chức năng của từng loại hình di tích ở Việt Nam. Những tiêu chí và việc khai thác di tích trong hoạt động du lịch.

### **40. Lễ hội Việt Nam**

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lễ hội truyền thống và hiện đại của Việt Nam. Những nghi thức, nghi lễ và các hoạt động trong phần hội của lễ hội, công tác chuẩn bị và xây dựng kịch bản cho một lễ hội truyền thống và hiện đại của lễ hội Việt Nam. Qua học phần này sinh viên biết trân trọng, giữ gìn, bảo tồn giá trị truyền thống văn hóa Việt Nam và phục vụ cho công việc sau khi ra trường.

### **41. Tuyển điểm du lịch**

Học phần trang bị những khái niệm cơ bản về điểm, tuyến du lịch. Học phần trình bày các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình xây dựng điểm, tuyến du lịch và giới

thiệu các chỉ tiêu đánh giá, xây dựng các điểm, tuyến du lịch. Mặt khác, học phần còn trình bày nguồn lực phát triển du lịch tại các vùng du lịch theo sơ đồ tổ chức lãnh thổ 7 vùng du lịch trong quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến 2025 và tầm nhìn 2030.

#### **42. Xây dựng và điều hành chương trình du lịch**

Học phần xây dựng chương trình du lịch gồm 4 chương, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về chương trình du lịch như các đặc điểm của chương trình du lịch, nguyên tắc, yêu cầu đối với chương trình du lịch; quy trình xây dựng chương trình du lịch; xây dựng ý tưởng và tuyến hành trình cho chương trình du lịch; xây dựng các phương án vận chuyển, lưu trú, ăn uống; tính giá thành và chi tiết hoá chương trình du lịch. Trên cơ sở đó người học có thể thực hiện được việc xây dựng và hoàn thiện các chương trình du lịch đáp ứng nhu cầu cụ thể của khách hàng và thị trường.

#### **43. Tâm lý và nghệ thuật giao tiếp ứng xử trong kinh doanh du lịch**

Trình bày về hoạt động tâm lý dưới góc độ là một ngành khoa học theo nhìn nhận và đánh giá của các nhà khoa học cổ đại và hiện đại. Hoạt động nhận thức, đưa ra các khái niệm và đặc điểm của cảm giác, tri giác, tư duy, tưởng tượng, ngôn ngữ và nhận thức. Nhân cách, khái niệm, đặc điểm và quá trình hình thành và phát triển của nhân cách. Đời sống tình cảm, trình bày về các quy luật hình thành và phát triển của đời sống tình cảm con người. Một số vấn đề cơ bản về tâm lý xã hội và tâm lý du lịch. Nêu ra các khái niệm, mối quan hệ của tâm lý xã hội và tâm lý du lịch. Những đặc điểm tâm lý chung của khách du lịch. Đưa ra các đặc điểm về hành vi tiêu dùng, nhu cầu, động cơ và sở thích của khách du lịch. Đặc điểm tâm lý củ khách du lịch theo quốc gia, dân tộc và nghề nghiệp. Những đặc điểm tâm lý của người lao động trong du lịch.

#### **44. Tổ chức hoạt náo trong hoạt động du lịch**

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản hoạt động hoạt náo và quản trò, quy trình tổ chức các hoạt động hoạt náo, cách tiến hành các hoạt động hoạt náo như băng reo, tiếng reo, các bài hát sinh hoạt tập thể, teambuilding phục vụ cho hoạt động hướng dẫn du lịch.

#### **45. Nghiệp vụ lữ hành**

Học phần Nghiệp vụ lữ hành cung cấp cho người học những kiến thức căn bản và kỹ năng nghiệp vụ trong lĩnh vực kinh doanh lữ hành; các vấn đề kinh tế và tổ chức các hoạt động trung gian cùng các hoạt động khác của công ty lữ hành trong quá trình phục vụ du lịch; các nhân tố tác động đến du khách; hoạt động lữ hành tại Việt Nam và trên thế giới, cách thiết kế và tính giá thành các chương trình du lịch.

Nội dung của học phần được trình bày trong 3 chương:

Chương 1: Khái quát về các công ty lữ hành, cung cấp cho người đọc các khái niệm cơ bản về quá trình hình thành và phát triển của các công ty lữ hành, xu hướng hình thành và phát triển của các hoạt động du lịch lữ hành.

Chương 2: Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp lữ hành, cung cấp cho người đọc những kiến thức khái quát về cơ cấu tổ chức của các doanh nghiệp lữ hành, mô hình sản phẩm, cách phân loại của các công ty lữ hành.

Chương 3: Tổ chức xây dựng chương trình du lịch trọn gói, cung cấp cho người đọc những kiến thức khái quát về qui trình xây dựng chương trình du lịch trọn gói, cách xác định giá chương trình du lịch trọn gói.

#### **46. Lý thuyết nghiệp vụ hướng dẫn du lịch**

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nghề hướng dẫn du lịch, đặc điểm của đối tượng tham quan, chương trình tham quan, quy trình hướng dẫn tham quan du lịch và các kỹ năng nghiệp vụ hỗ trợ khác.

#### **47. Thực hành nghiệp vụ hướng dẫn du lịch 1**

Học phần bao gồm 6 bài với mục đích cung cấp cho sinh viên kiến thức về kỹ năng giới thiệu, kỹ năng kết thúc, cách thức xây dựng bài thuyết minh và có phương pháp hướng dẫn tham quan tại điểm.

#### **48. Thực hành nghiệp vụ hướng dẫn du lịch 2**

Học phần bao gồm 7 bài với mục đích cung cấp cho sinh viên kiến thức về phương pháp hướng dẫn tham quan, thủ tục xuất nhập cảnh và quản lý, tổ chức thực hiện chương trình tham quan du lịch v.v...

#### **49. Nghiệp vụ thanh toán quốc tế**

Sinh viên hiểu được các khái niệm cơ bản trong thanh toán quốc tế và các đặc thù của thanh toán quốc tế trong du lịch, quy trình thanh toán quốc tế và ứng dụng trong soạn thảo hợp đồng du lịch quốc tế. Thực hành nghiệp vụ thanh toán quốc tế trong du lịch. Kỹ năng giải bài tập tỉ giá. Kỹ năng phân tích ảnh hưởng của những biến động trên thị trường ngoại hối lên thị trường du lịch. Kỹ năng phân tích hợp đồng du lịch quốc tế.

#### **50. Du lịch sinh thái**

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về du lịch sinh thái, những đặc điểm, yêu cầu và những nguyên tắc của loại hình du lịch sinh thái. Những tiềm năng về tài nguyên và hiện trạng phát triển du lịch sinh thái ở Việt Nam.

#### **51. Du lịch văn hóa**

Học phần Du lịch văn hoá nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về du lịch văn hoá như khái niệm, đặc trưng của du lịch văn hoá... Bên cạnh đó, học phần còn giới thiệu đến sinh viên những loại hình du lịch văn hoá đang được chú trọng ở một số quốc gia trên thế giới. Đồng thời giúp người học nhìn nhận được vai trò, tầm quan trọng của văn hóa Việt Nam trong sự phát triển của ngành du lịch.

#### **52. Thủ tục xuất nhập cảnh**

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng về các quy định và thủ tục xuất nhập cảnh đối với công dân là người Việt Nam và người nước ngoài: điều kiện xuất nhập cảnh, giấy tờ và thời hạn của giấy tờ xuất nhập cảnh, thủ tục cấp hộ chiếu phổ thông, điều kiện xuất nhập cảnh và các trường hợp bị tạm hoãn xuất cảnh. Ngoài



ra học phần còn trang bị cho sinh viên các tình huống thường xảy ra trong quá trình thực hiện thủ tục xuất nhập cảnh đối với khách du lịch.

### **53. Quy hoạch và phát triển du lịch**

Học phần trang bị cơ sở lý luận về quy hoạch vùng nói chung và quy hoạch phát triển du lịch nói riêng. Học phần đề cập đến các nội dung chính trong quy hoạch du lịch quốc gia và vùng và các kết quả quy hoạch du lịch ở Việt Nam.

### **54. Thực tập chuyên đề**

Thực tập chuyên đề là học phần nhằm tạo điều kiện cho sinh viên ngành Việt Nam học có cơ hội tiếp cận với thực tế nghề nghiệp; giúp sinh viên làm quen với công việc của một hướng dẫn viên du lịch trong tương lai; vận dụng các kiến thức đã học vào thực tế nghề nghiệp.

### **55. Thực tập tốt nghiệp**

Học phần nhằm củng cố kiến thức chuyên ngành trên cơ sở liên hệ với thực tế tại các doanh nghiệp, công ty; rèn luyện kỹ năng thực hiện các nghiệp vụ của chuyên ngành Hướng dẫn ngữ du lịch; rèn khả năng làm việc độc lập, khả năng làm việc theo nhóm, rèn luyện tác phong làm việc và đạo đức nghề nghiệp.

Sinh viên hoàn thành báo cáo thực tập theo chuyên đề được giao.

### **56. Văn hóa ẩm thực**

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hóa ẩm thực Việt Nam và thế giới như một số quốc gia ở khu vực châu Á, châu Âu và châu Mỹ.

Những đặc điểm của ẩm thực gắn với tôn giáo và vai trò của ẩm với du lịch Việt Nam.

### **57. Quản trị điểm đến du lịch**

Học phần quản trị điểm đến du lịch cung cấp cho sinh viên những lý luận cơ bản về điểm đến du lịch, bao gồm kiến thức khái quát về điểm đến du lịch và quản lý điểm đến du lịch, tổ chức quản lý điểm đến du lịch và các nội dung quản lý điểm đến du lịch; chiến lược và quy hoạch phát triển điểm, marketing điểm đến du lịch, cạnh tranh điểm đến du lịch, phát triển sản phẩm điểm đến du lịch, định vị điểm đến du lịch, thương hiệu điểm đến du lịch, xúc tiến điểm đến du lịch; chất lượng điểm đến du lịch.

### **58. Tổ chức sự kiện trong du lịch**

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công tác tổ chức sự kiện như: tổng quan về tổ chức sự kiện; quy trình tổ chức, các yếu tố ảnh hưởng đến công tác tổ chức sự kiện; công tác lập kế hoạch, triển khai, giám sát, xử lý tình huống trong quá trình tổ chức một số sự kiện phổ biến trong hoạt động lữ hành và các kỹ năng cần thiết cho quá trình tổ chức sự kiện.

### **59. Kỹ năng thích ứng, phản biện và tư duy sáng tạo**

Học phần Kỹ năng thích ứng, phản biện và tư duy sáng tạo cung cấp những nội dung cơ bản về khái niệm, vai trò và các kỹ năng thích ứng như: kỹ năng thích ứng trong học tập; kỹ năng thích ứng với môi trường làm việc; các giải pháp rèn luyện kỹ năng thích ứng như: xác định tư tưởng, thường xuyên giả định các trường hợp có thể

xảy ra, luôn khám phá và kích thích sự sáng tạo, đối diện với thử thách, chấp nhận thay đổi để thích ứng với mọi hoàn cảnh trong cuộc sống. Nội dung cơ bản về khái niệm, vai trò, đặc điểm của người có kỹ năng phản biện, rèn luyện kỹ năng phản biện, trau dồi kiến thức cho bản thân thường xuyên, rèn luyện kỹ năng phân tích, kỹ năng phản biện khi giao tiếp, nâng cao khả năng sáng tạo, cách giải quyết vấn đề, rèn luyện để có cách nhìn khách quan, hình thành thói quen đặt câu hỏi, việc sử dụng sơ đồ. Nội dung kỹ năng tư duy sáng tạo gồm khái niệm, đặc điểm và lợi ích của tư duy sáng tạo, các loại tư duy sáng tạo, phẩm chất của tư duy sáng tạo, quy trình và phương pháp tư duy sáng tạo; các bước trong quy trình tư duy sáng tạo, phương pháp tư duy sáng tạo. Từ đó, sinh viên vận dụng các kỹ năng vào quá trình học tập, rèn luyện và trong cuộc sống.

### **60. Kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức sự kiện và tìm kiếm việc làm**

Học phần Kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức sự kiện và tìm kiếm việc làm giới thiệu cho sinh viên những nội dung cơ bản về 2 kỹ năng: Kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức sự kiện cung cấp những kiến thức cơ bản về khái niệm, vai trò của kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức sự kiện. Hình thành cho sinh viên kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức sự kiện, qua đó sinh viên vận dụng lập kế hoạch trong học tập, rèn luyện, trong cuộc sống và tổ chức được một số sự kiện. Kỹ năng tìm kiếm việc làm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Khái niệm, kỹ năng tìm kiếm việc làm, quá trình tìm việc làm; đánh giá năng lực bản thân, xác định mục tiêu nghề nghiệp, tìm kiếm cơ hội việc làm, kỹ năng chuẩn bị hồ sơ xin việc, chuẩn bị tốt cho buổi phỏng vấn, tham dự phỏng vấn, sau buổi phỏng vấn, thương lượng về lương bổng và các quyền lợi khác các bước chuẩn bị cho công việc mới. Từ đó, sinh viên phát huy hiệu quả kiến thức đã học để phát triển tiềm năng cá nhân, đáp ứng với yêu việc làm của xã hội.

### **61. Tiếng Anh nâng cao 1**

Học phần Tiếng Anh nâng cao 1 cung cấp cho sinh viên các nội dung sau:

- Từ vựng: Học phần cung cấp hệ thống từ vựng về các chủ điểm: Nhà cửa, kinh doanh, cuộc sống thường ngày, công việc, nơi làm việc, du lịch, mua sắm.
- Ngữ pháp: Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức ngữ pháp về thì của động từ, đại từ nhân xưng; sự hòa hợp giữa chủ ngữ và động từ, thể bị động, từ nối và giới từ, cấu trúc so sánh, mệnh đề quan hệ, đại từ quan hệ, cách sử dụng danh động từ và động từ nguyên thể, phân biệt các chức năng của từ nối và giới từ.
- Kỹ năng: Luyện các kỹ năng nói, nghe, đọc theo định dạng đề thi TOEIC. Kỹ năng nói tập trung vào các chủ đề thường gặp trong cuộc sống thường ngày, kỹ năng hội thoại, trả lời phỏng vấn. Kỹ năng nghe gồm 3 nội dung chính: Nghe mô tả tranh, hỏi - đáp, nghe đoạn hội thoại ngắn và đoạn độc thoại.

### **62. Tiếng Anh nâng cao 2**

- Học phần Tiếng Anh nâng cao 2 gồm 12 bài học và 2 bài luyện tập cung cấp cho sinh viên cách mở rộng vốn từ dùng các tiền tố, hậu tố, phân biệt danh từ, động từ, tính từ, giới từ, liên từ... về các chủ điểm liên quan đến nội dung bài học: nhà cửa, kinh doanh, cuộc sống thường ngày, công việc, nơi làm việc, du lịch, mua sắm... ; ngữ pháp về kiến

thức về thì của động từ, đại từ nhân xưng; sự hòa hợp giữa chủ ngữ và động từ, thể bị động, từ nối và giới từ, cấu trúc so sánh, đại từ quan hệ... Phân biệt được cách sử dụng danh động từ và động từ nguyên thể, phân biệt các chức năng của từ nối và giới từ, mệnh đề quan hệ sử dụng đại từ quan hệ và trạng từ quan hệ cùng một số loại câu hỏi dạng đảo và câu hỏi có từ để hỏi... ; đồng thời luyện kỹ năng nghe, đọc theo định dạng đề thi TOEIC.

- Kết cấu mỗi bài học gồm 2 phần:

+ Listening comprehension: Chỉ dẫn các dạng bài thường gặp và kỹ thuật nghe khi làm bài thi nghe.

+ Reading comprehension: Lý thuyết và bài tập liên quan đến kiến thức ngữ pháp, cấu trúc thường dùng trong phần thi đọc.

### **63. Tiếng Trung nâng cao 1**

Nội dung các bài cung cấp cho sinh viên các từ vựng bài khóa liên quan đến các chủ đề giao tiếp trong đời sống hàng ngày như: Học tập, thi cử, sở thích về âm nhạc, thời tiết... Kiến thức ngữ pháp được trình bày từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp: Câu bỏ ngữ xu hướng, câu so sánh hơn 比, hơn nhất “最”, so sánh bằng “有”, so sánh giống nhau “跟 .... 一样”, diễn đạt hành động/động tác sắp xảy ra “要 .....了”、“就要....了”、“快要....了”. Các bài tập trong học phần được thiết kế tập trung rèn luyện, củng cố các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương ứng với nội dung từng bài.

### **64. Tiếng Trung nâng cao 2**

Nội dung các bài cung cấp cho sinh viên các từ vựng bài khóa liên quan đến các chủ đề giao tiếp trong đời sống hàng ngày như: Đi tham quan, du lịch, học tập, thể thao, chụp ảnh, miêu tả người.... Kiến thức ngữ pháp được trình bày từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp: Câu bỏ ngữ kết quả, trợ từ động thái “过”, bỏ ngữ động lượng, biểu đạt số thứ tự, cấu trúc “一 .... 就.....”, “是 .... 的”, lặp lại tính từ, vị ngữ chủ vị, câu bị động, lặp lại lượng từ, bỏ ngữ xu hướng kép, trợ từ động thái “着”. Các bài tập trong học phần được thiết kế tập trung rèn luyện, củng cố các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương ứng với nội dung từng bài.

### **65. Nhiếp ảnh**

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về máy chụp ảnh. Học phần cung cấp cho người học biết phân loại máy ảnh, cấu tạo, các chế độ và các kỹ thuật cơ bản trong chụp ảnh. Cách cấu trúc, bố cục một bức ảnh đẹp, đủ sáng, đạt yêu cầu về kỹ thuật, mỹ thuật.

### **66. Văn hóa Đông Nam Á**

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và có hệ thống về đặc điểm tự nhiên và nguồn gốc các tộc người ở Đông Nam Á. Những đặc trưng và thành tựu nổi bật về văn hoá Đông Nam Á trong tiến trình lịch sử phát triển và các thành tố cơ bản của văn hoá Đông Nam Á.

### **67. Lịch sử văn minh thế giới**

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và có hệ thống về các nền văn minh lớn thời cổ - trung đại ở phương Đông, phương Tây và nền văn minh

công nghiệp thời cận - hiện đại. Qua đó sinh viên có thể hiểu sâu hơn một số khái niệm liên quan đến học, phần nắm vững về cơ sở hình thành và những thành tựu nổi bật của một số trung tâm văn minh trên thế giới, tìm hiểu về phương pháp tiếp cận và nghiên cứu một nền văn minh, từ đó rút ra một số quy luật chung về quá trình hình thành và phát triển của văn minh nhân loại.

**6.2. Đề cương chi tiết học phần (có phụ lục kèm theo)**

**KT.HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**TRƯỜNG  
ĐẠI HỌC  
SAO ĐỎ**

**TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên**